

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1992; HKTT: Khu phố x, thị trấn D, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông L vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 24/3/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P vào ngày 25/3/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh

phúc. Đến năm 2018, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 07/2018 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/5/2016. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 24/3/2021 của nguyên đơn; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của nguyên đơn; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao trích lục giấy khai sinh của con chung; 01 bản tự khai của nguyên đơn ngày 24/3/2021.

Ngoài ra, bà T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** *Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông L:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai để ông L biết và thực hiện tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông L cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không T thập được ý kiến của ông L.

*** *Xác minh và làm việc của Tòa án:***

- Ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Công an ấp H), xác định: Ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ nhưng hiện nay rất ít khi về nhà.

- Ngày 31/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (trưởng ấp H), xác định: Ông L và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Ông L có sinh sống tại ấp H nhưng hiện nay đã đi nơi khác sinh sống, gần đây rất ít khi về nhà. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ.

- Ngày 31/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại nhà ba ruột ông L (ông Ụi), xác định: Ông L và bà T có đăng ký kết hôn vào năm 2016, đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình sống chung thì ông thấy bà T và ông L đôi khi có cãi nhau. Từ cuối năm 2018 thì hai vợ chồng ly thân. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông Ụi đồng ý và không có ý kiến gì.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực

hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông L đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông L; ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp H xã Đ, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 24/3/2021, bà T khởi kiện ly hôn đối với ông L với các yêu cầu: Ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/5/2016, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông L không hợp tác, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P vào ngày 25/3/2016. Hôn nhân giữa bà T và ông L đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên bất đồng ý kiến, không hiểu và quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông L cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, điều này thể hiện ông L không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà T với ông L có con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/5/2016. Quá trình tổ tụng cũng như tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, cháu Nguyễn Minh T luôn được bà T chăm sóc yêu thương còn ông L lại thường xuyên bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Do đó, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển đầy đủ về mọi, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho bà T được nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình tổ tụng cũng như tại phiên tòa, bà T tự nguyện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của bà T và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tổ tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Nguyễn Văn L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Bà Nguyễn Thị Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/5/2016 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ánh T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Ánh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai T số: AA/2016/0045794 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 08/9/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- CC THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam